

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CẦN THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO MÔ HÌNH TRỰC TUYẾN KẾT HỢP TRỰC TIẾP (ONLINE-MERGE-OFFLINE) TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Thị Hồng Loan
Viện nghiên cứu Giáo dục và Kinh tế quốc tế
Email: loannth@isiec.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu khảo sát 120 giáo viên tiểu học tại tỉnh Vĩnh Long nhằm đánh giá mức độ cần thiết và tính khả thi của việc áp dụng mô hình dạy học Tiếng Anh kết hợp trực tuyến và trực tiếp (online-merge-offline). Kết quả cho thấy sự cần thiết của mô hình là rất cao khi giáo viên nhận thức rõ những hạn chế của phương pháp truyền thống và kì vọng sẽ tăng cường hứng thú học tập cho học sinh. Phân tích về tính khả thi cho thấy ứng dụng mô hình này trong dạy học tiếng Anh là giải pháp hoàn toàn khả thi về mặt hạ tầng kỹ thuật tại các trường tiểu học Vĩnh Long. Nhưng sự thành công cũng phụ thuộc vào chương trình bồi dưỡng chuyên sâu và thực tế nhằm nâng cao kỹ năng sư phạm công nghệ cho giáo viên, biến sự sẵn sàng về vật chất thành hiệu quả giảng dạy thực tế.

Từ khóa: trực tuyến kết hợp trực tiếp, dạy học tiếng Anh, tiểu học, dạy học kết hợp

ASSESSING THE NECESSITY AND FEASIBILITY OF TEACHING ENGLISH IN THE COMBINED ONLINE-MERGE-OFFLINE MODEL AT PRIMARY SCHOOLS IN VINH LONG PROVINCE

Nguyen Thi Hong Loan
Institute for Studies in Education and International Economics
Email: loannth@isiec.edu.vn

Abstract: This study surveyed 120 primary school English teachers in Vinh Long Province to evaluate the necessity and feasibility of implementing the OMO teaching model. The results indicate a very high necessity for the model, as teachers clearly recognize the limitations of traditional methods and highly expect OMO to significantly enhance student learning engagement. Furthermore, feasibility analysis reveals that the application of this model is entirely viable in terms of technical infrastructure within primary schools in Vinh Long Province, Viet Nam. However, its ultimate success is contingent upon the development of practical and intensive professional training programs designed to advance teachers' technological pedagogical skills, thereby translating the readiness in physical resources into effective teaching outcomes.

Keywords: online-merge-offline, English teaching, primary school, blended learning

Nhận bài: 22/08/2025

Phản biện: 18/09/2025

Duyệt đăng: 23/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỉ XXI đánh dấu một kỉ nguyên phát triển mạnh mẽ của chuyển đổi số trên toàn cầu, với giáo dục là một trong những lĩnh vực trọng tâm chịu sự tác động sâu sắc nhất. Tại Việt Nam, xu hướng này đã được thể chế hóa thông qua các định hướng chiến lược của Bộ Chính trị (2024, 2025) và Chính phủ (2024), nhấn mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm đổi mới toàn diện phương pháp dạy học, xây dựng môi trường học tập linh hoạt, đa dạng hóa nguồn tài nguyên và tăng cường sự tương tác giữa người dạy và người học, đặc biệt trong bối cảnh các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ ngày càng cao.

Trong dạy học tiếng Anh, việc tích hợp công nghệ đã dẫn đến sự phát triển của các loại hình dạy học kết hợp, trong đó có mô hình trực tuyến kết hợp trực tiếp (online-merge-offline - OMO). Mô hình này không chỉ đơn thuần là sự kết hợp giữa học trực tiếp trên lớp và học trực tuyến mà

còn là sự hợp nhất có chiến lược giữa hai hình thức, khai thác tối đa ưu điểm của không gian ảo (cá nhân hóa, đa dạng tài liệu, thực hành liên tục) và không gian thực (tương tác xã hội, phản hồi trực tiếp, rèn luyện kỹ năng) (Tran, 2023). Nhiều nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả vượt trội của dạy học kết hợp/ OMO trong việc nâng cao động lực học tập, cải thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh và tối ưu hóa quá trình giảng dạy tiếng Anh trên nhiều cấp độ, tạo ra một trải nghiệm học tập toàn diện và linh hoạt hơn (Chen và cộng sự, 2021; Yang, 2022).

Mặc dù mô hình OMO đã được chứng minh về mặt khoa học, việc triển khai tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng công nghệ khác biệt, như tỉnh Vĩnh Long, còn nhiều hạn chế và chưa phổ biến. Việc áp dụng mô hình mới có thể gặp phải các rào cản về nhận thức của giáo viên và phụ huynh, khả năng tiếp cận thiết bị công nghệ của học sinh tiểu học, cũng như sự sẵn

có của các học liệu số phù hợp. Do đó, để đảm bảo việc đổi mới giáo dục được thực hiện một cách bền vững và hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực và thất bại trong triển khai, cần thiết phải tiến hành một nghiên cứu chuyên sâu, có tính thực tiễn cao.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát thông qua công cụ bảng hỏi được thiết kế riêng biệt để thu thập dữ liệu từ các giáo viên Tiếng Anh tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Đối tượng khảo sát là giáo viên Tiếng Anh đang trực tiếp giảng dạy tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Để đảm bảo tính đại diện, phương pháp chọn mẫu thuận tiện được áp dụng, lựa chọn

120 giáo viên từ một số trường tiểu học đại diện cho cả khu vực thành thị và nông thôn của tỉnh.

Bảng khảo sát được xây dựng dựa trên thang đo Likert 5 mức độ và tập trung vào hai nhóm nội dung chính: 1) Mức cần thiết của OMO (đánh giá về những hạn chế của phương pháp truyền thống và các lợi ích kì vọng của mô hình OMO); 2) Mức khả thi (đánh giá năng lực công nghệ, kinh nghiệm sử dụng nền tảng trực tuyến của giáo viên và sự sẵn có của cơ sở vật chất, học liệu). Dữ liệu này sau đó được phân tích bằng thống kê mô tả, bao gồm điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), nhằm xác định mức độ đồng thuận chung của giáo viên đối với các tiêu chí cần thiết và khả thi.

2.2. Kết quả khảo sát

Bảng 1: Đánh giá mức độ cần thiết của dạy học Tiếng Anh theo mô hình trực tuyến kết hợp trực tiếp tại các trường tiểu học tỉnh Vĩnh Long

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Việc học trên lớp không đủ thời gian để học sinh thực hành giao tiếp và luyện tập từ vựng một cách đầy đủ	4,22	0,918
Phương pháp dạy học truyền thống khó đáp ứng nhu cầu học tập và tốc độ tiếp thu khác nhau của từng học sinh	3,82	1,146
Tài liệu dạy học hiện tại chủ yếu là sách giáo khoa và tài liệu in ấn, chưa đủ đa dạng và hấp dẫn	4,36	0,911
Khó khăn trong việc giao bài tập, theo dõi tiến độ và duy trì tương tác với học sinh ngoài giờ học	4,00	1,144
Áp dụng OMO giúp nâng cao chất lượng học tập và cải thiện điểm số môn tiếng Anh của học sinh tiểu học	3,71	1,233
Việc sử dụng các công cụ và trò chơi trực tuyến giúp tăng cường hứng thú và động lực học tập của học sinh	4,21	0,927
Mô hình OMO giúp giáo viên dễ dàng cung cấp, quản lí, và cập nhật kho tài liệu học tập số hóa	3,51	1,278
OMO giúp học sinh phát triển các kĩ năng tự học, sử dụng công nghệ và tìm kiếm thông tin hiệu quả	3,68	1,157
Tôi thấy cần thiết phải tham gia các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo mô hình OMO	3,16	1,122
Tôi cần được bồi dưỡng thêm về các công cụ, nền tảng quản lí học tập để thiết kế hoạt động học tập trực tuyến	3,06	1,158
Việc dạy OMO là xu hướng tất yếu mà mọi giáo viên cần phải nắm vững trong tương lai	3,34	1,230

Bảng 1 cho thấy mức độ cần thiết của việc chuyển đổi sang mô hình OMO trong dạy học tiếng Anh tại các trường tiểu học Vĩnh Long là rất cao. Sự đồng thuận mạnh mẽ của giáo viên về các thách thức hiện tại và lợi ích kì vọng đã tạo cơ sở vững chắc cho việc kiến nghị áp dụng mô hình học tập kết hợp này.

Phân tích các tiêu chí về thách thức của phương pháp truyền thống cho thấy giáo viên nhận thấy những hạn chế rõ rệt. Đáng chú ý, hai yếu tố được đánh giá cao nhất là “Tài liệu dạy học hiện tại chủ yếu là sách giáo khoa và tài liệu in ấn, chưa đủ đa dạng và hấp dẫn” (ĐTB = 4,36) và “Việc học trên lớp không đủ thời gian để học sinh thực hành giao

tiếp và luyện tập từ vựng một cách đầy đủ” (ĐTB = 4,22). Với ĐLC thấp (khoảng 0,91), các số liệu này khẳng định nhu cầu cấp thiết về tài nguyên học tập phong phú và linh hoạt, điều mà mô hình OMO có thể giải quyết bằng cách tận dụng kho tàng học liệu số hóa khổng lồ. Bên cạnh đó, việc khó khăn trong “duy trì tương tác với học sinh ngoài giờ học” (ĐTB = 4,00) cũng thể hiện giáo viên muốn có công cụ kết nối liền mạch hơn.

Về lợi ích kỳ vọng từ mô hình OMO, giáo viên bày tỏ sự lạc quan vào tiềm năng của phương pháp này. Điểm số cao nhất thuộc về mục tiêu “sử dụng các công cụ và trò chơi trực tuyến giúp tăng cường hứng thú và động lực học tập của học sinh” (ĐTB = 4,21). Điều này phản ánh nhận thức rõ ràng rằng công nghệ là chìa khóa để thu hút học sinh tiểu học. Mặc dù kỳ vọng về “nâng cao chất lượng học tập và cải thiện điểm số” (ĐTB = 3,71) và “giúp học sinh phát triển kỹ năng tự học” (ĐTB = 3,68) có

điểm trung bình khiêm tốn hơn, chúng vẫn nằm ở mức đồng thuận cao, cho thấy sự tin tưởng vào giá trị giáo dục lâu dài của OMO.

Điều đáng lưu ý nhất nằm ở nhóm tiêu chí nhu cầu phát triển năng lực cá nhân. Mặc dù giáo viên thấy “dạy học OMO là xu hướng tất yếu” (ĐTB = 3,34), mức độ đồng thuận lại giảm đáng kể khi nói đến nhu cầu tham gia các khóa tập huấn về phương pháp (ĐTB = 3,16) và đặc biệt là nhu cầu được bồi dưỡng thêm về các công cụ và nền tảng quản lý học tập trực tuyến (ĐTB = 3,06). Sự chênh lệch giữa việc nhận thức sự cần thiết của OMO (trên 4,0) và sự sẵn sàng tham gia đào tạo kỹ thuật dạy học chuyên sâu (quanh 3,0) là một phát hiện quan trọng. Nó cho thấy giáo viên còn e dè, thiếu tự tin hoặc chưa đánh giá đúng mức độ phức tạp của việc làm chủ công cụ và phương pháp mới. Đây sẽ là một rào cản lớn cần phải giải quyết bằng các chính sách đào tạo thực chất khi chuyển sang phân tích tính khả thi.

Bảng 2: Đánh giá mức độ khả thi của dạy học Tiếng Anh theo mô hình trực tuyến kết hợp trực tiếp tại các trường tiểu học tỉnh Vĩnh Long

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Tôi tự tin sử dụng các công cụ tạo bài giảng đa phương tiện (ví dụ: video, trò chơi tương tác)	3,08	1,115
Tôi thành thạo việc sử dụng hệ thống quản lý học tập để giao bài và theo dõi tiến độ của học sinh	3,14	1,125
Tôi biết cách tổ chức các hoạt động trực tuyến hiệu quả để khuyến khích học sinh giao tiếp	3,05	1,090
Tôi sẵn sàng thay đổi phương pháp dạy học truyền thống để áp dụng mô hình OMO	3,15	1,296
Các phòng học Tiếng Anh của trường tôi được trang bị đầy đủ máy chiếu/màn hình tương tác để hỗ trợ bài giảng số	3,82	1,293
Đường truyền Internet/ Wi-Fi tại trường ổn định và đủ mạnh để giáo viên và học sinh truy cập đồng thời	4,36	1,213
Trường tôi có sẵn kho tài liệu và học liệu số hóa được cấp phép để sử dụng trong dạy học OMO	3,74	1,355
Nhà trường có bộ phận hỗ trợ kỹ thuật kịp thời khi giáo viên gặp sự cố về thiết bị/mạng	3,85	1,402
Ban Giám hiệu nhà trường chủ động khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian cho giáo viên nghiên cứu OMO	3,87	1,270
Tổ Tiếng Anh có hoạt động thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong việc triển khai OMO	3,84	1,280
Phòng/ Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long có hướng dẫn rõ ràng về việc đánh giá và kiểm tra học sinh theo mô hình OMO	3,82	1,293
Hầu hết học sinh trong lớp tôi có thể dễ dàng truy cập thiết bị (máy tính bảng/điện thoại) và Internet ổn định tại nhà để học trực tuyến	3,91	1,403
Phụ huynh học sinh sẵn lòng và có khả năng giám sát, hỗ trợ con cái hoàn thành các hoạt động tự học trực tuyến tại nhà	3,94	1,467
Phụ huynh học sinh có thái độ tích cực và ủng hộ việc nhà trường triển khai mô hình học tập mới OMO	3,94	1,228

Bảng 2 cho thấy mức độ khả thi tổng thể của việc triển khai OMO tại Vĩnh Long đã đạt ngưỡng đồng thuận cao (đa số ĐTB > 3,70), vượt xa mức trung tính, đặc biệt là về yếu tố hạ tầng và sự hỗ trợ từ hệ thống. Tính khả thi được củng cố mạnh mẽ nhất ở nhóm cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng hỗ trợ. Sự đồng thuận rất cao về đường truyền Internet/Wi-Fi ổn định tại trường (ĐTB = 4,36) và mức độ cao của thiết bị phòng học (ĐTB = 3,82) xác nhận rằng hạ tầng kỹ thuật cứng đã được đầu tư đầy đủ.

Sự khả thi còn được bảo đảm bởi môi trường giáo dục và quản lý. Giáo viên đánh giá cao sự ủng hộ của Ban Giám hiệu (ĐTB = 3,87) và sự hiện diện của bộ phận hỗ trợ kỹ thuật kịp thời (ĐTB = 3,85). Hơn nữa, sự đồng bộ trong quản lý được thể hiện qua điểm số cao về hướng dẫn rõ ràng của Phòng/ Sở Giáo dục và Đào tạo về đánh giá và kiểm tra (ĐTB = 3,82), cho thấy các vấn đề về chính sách đã được chú trọng. Thêm vào đó, yếu tố ngoại vi cũng rất tích cực: điều kiện truy cập thiết bị và Internet tại nhà học sinh (ĐTB = 3,91) cùng với thái độ sẵn lòng và khả năng hỗ trợ của phụ huynh (ĐTB = 3,94) đã loại bỏ mối lo ngại về sự không đồng đều và tính công bằng trong việc học trực tuyến ngoài giờ.

Tuy nhiên, rào cản lớn nhất nằm ở năng lực thực hành của giáo viên. Mặc dù có thái độ sẵn sàng thay đổi (ĐTB = 3,15), sự tự tin về các kỹ năng vận hành mô hình vẫn còn khiêm tốn. Các kỹ năng cốt lõi như tự tin tạo bài giảng đa phương tiện (ĐTB = 3,08) và thành thạo quản lý học tập trực tuyến (ĐTB = 3,14) chỉ đạt mức trung bình thấp. Sự chênh lệch giữa điều kiện vật chất được đáp ứng (ĐTB khoảng 3,74 - 4,36) và năng lực sử dụng công cụ (ĐTB khoảng 3,05 - 3,14) cho thấy tập trung đào tạo chuyên sâu về kỹ năng sư phạm công nghệ là bước đi cần thiết và cấp bách nhất để biến tiềm năng khả thi thành kết quả học tập thực tế.

2.3. Thảo luận

Phân tích kết quả khảo sát nhu cầu cấp thiết về đổi mới hiện đang được hỗ trợ bởi các điều kiện khả thi mạnh mẽ. Phát hiện này khẳng định cơ hội lớn để triển khai thành công mô hình OMO trong dạy học tiếng Anh tại các trường tiểu học Vĩnh Long.

Bảng 1 cho thấy giáo viên được khảo sát có nhận thức rất cao về sự cần thiết của OMO, chủ yếu là để giải quyết các hạn chế cố hữu của dạy học truyền thống. Sự đồng thuận cao nhất thuộc về nhu cầu khắc phục thiếu hụt tài liệu đa dạng và không đủ thời gian thực hành giao tiếp. Sự đồng thuận này, cùng với niềm tin rằng OMO sẽ tăng cường hứng thú học tập, củng cố vai trò của mô hình kết hợp như một giải pháp mang tính đột phá và phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ trong thời đại số.

Khác biệt lớn nhất so với các nghiên cứu tương tự ở địa phương khác là mức độ khả thi của OMO đã đạt ngưỡng cao tại Vĩnh Long. Hầu hết các chỉ số về cơ sở hạ tầng, quản lý và hỗ trợ ngoại vi đều vượt qua mức trung tính và đạt mức đồng thuận mạnh mẽ (ĐTB > 3,70). Cụ thể, vấn đề kết nối mạng ổn định, hỗ trợ kỹ thuật kịp thời và hướng dẫn rõ ràng từ Sở/ Phòng Giáo dục và Đào tạo đều được giải quyết. Hơn nữa, sự đồng thuận cao về điều kiện thiết bị tại nhà học sinh và sự ủng hộ của phụ huynh đã loại bỏ mối lo ngại lớn về rào cản từ phía gia đình.

Điểm nghẽn chính nằm ở năng lực thực hành của giáo viên. Mặc dù có thái độ sẵn sàng đổi mới, sự tự tin về kỹ năng sư phạm công nghệ lại ở mức thấp nhất trong Bảng 2. Các kỹ năng cốt lõi như tự tin tạo bài giảng đa phương tiện và thành thạo quản lý học tập trực tuyến chỉ đạt mức trung bình thấp. Khoảng cách này phản ánh rằng giáo viên đã được cung cấp cơ sở vật chất, nhưng chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng vận hành các công cụ đó. Điều này giải thích tại sao mức độ đồng thuận về nhu cầu tham gia bồi dưỡng công cụ/nền tảng trong Bảng 1 lại khiêm tốn: giáo viên có thể chưa đánh giá đúng mức độ phức tạp của việc làm chủ công nghệ.

Như vậy, Vĩnh Long đang đứng trước cơ hội vàng để triển khai OMO trong dạy học tiếng Anh tại các trường tiểu học do các điều kiện ngoại vi đã được giải quyết. Tuy nhiên, sự thành công của OMO sẽ phụ thuộc vào việc xây dựng các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu và thực hành nhằm nâng cao năng lực sư phạm công nghệ, chuyển hóa sự sẵn sàng của giáo viên thành kỹ năng vận hành mô hình hiệu quả.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác định một cách rõ ràng: Mô hình OMO là rất cần thiết đối với việc dạy học Tiếng Anh tại các trường tiểu học Vĩnh Long. Sự cần thiết này được thúc đẩy bởi nhu cầu cấp bách phải khắc phục thiếu hụt tài liệu đa dạng và thiếu thời gian thực hành giao tiếp và giáo viên kì vọng OMO sẽ tăng cường hứng thú học tập cho học sinh. Tính khả thi của mô hình đã được củng cố mạnh mẽ, với hầu hết các rào cản về vật chất và hệ thống đã được giải quyết. Cơ sở hạ

tầng như Internet/Wi-Fi, hỗ trợ quản lí, và điều kiện thiết bị tại nhà học sinh đều đạt mức đồng thuận cao, tạo ra nền tảng thuận lợi. Rào cản lớn nhất còn lại là năng lực thực hành của giáo viên. Mặc dù giáo viên có thái độ sẵn sàng, sự tự tin về kĩ năng vận hành công cụ và nền tảng trực tuyến vẫn ở mức trung bình thấp. Do đó, việc triển khai OMO trên diện rộng cần phải đi kèm với các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu, thực tế để nâng cao kĩ năng sư phạm công nghệ của đội ngũ giáo viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Chen, X., Zou, D., Xie, H. R., & Su, F. (2021). Twenty-five years of computer-assisted language learning: A topic modeling analysis. *Language Learning & Technology*, 25(3), 151-185.
- Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Tran, T. T. (2023). Online-Merge-Offline Model for Distance Learning in English Language Education: A Case Study. *Vietnam Journal of Education*, 7(3), 215-226. <https://doi.org/10.52296/vje.2023.251>.